

XBP

VV

2440

HIỆP HỘI ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI



LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI
1930 - 1995

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 1997

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI**

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI
1930 – 1995
TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1997

CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY ĐỒNG NAI

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN: PHAN VĂN TRANG

CHỦ BIÊN: LÂM HIẾU TRUNG

BAN BIÊN SOẠN: - TRẦN QUANG TOẠI

- TRẦN TOÀN

- NGUYỄN QUANG HỮU

- NGUYỄN THỊ HỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

Hơn nửa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Đồng Nai đã một lòng đi theo Đảng, chiến đấu kiên cường, giành được nhiều thắng lợi vẻ vang góp phần xứng đáng cùng toàn dân viết lên những trang sử vàng chói lọi: Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, đã và đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh.

Đồng Nai là tỉnh miền Đông Nam bộ có vị trí chiến lược trọng yếu về quân sự và kinh tế. Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mảnh đất này là nơi đụng đầu quyết liệt, nơi diễn ra cuộc đấu tranh liên tục và toàn diện giữa ta và địch. Những địa danh lịch sử như: Chiến khu Đ, chiến khu rừng Sác⁽¹⁾, các chiến thắng La Ngà, sân bay Biên Hòa, Xuân Lộc... gắn liền với những chiến công vang dội, là niềm tự hào của quân dân Đồng Nai và cả nước

Cũng trên mảnh đất này đã sản sinh ra hàng nghìn, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đồng chí kiên trung bất khuất, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như một điểm son ngời sáng.

Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng, Đảng bộ Đồng Nai ngày càng lớn mạnh và trưởng thành. Trải qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, tổ chức Đảng vẫn còn tồn tại giữa lòng dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Những thành quả đó là kết tinh của bao xương máu, mồ hôi, nước mắt của nhiều thế hệ đồng bào, đồng chí trong tỉnh và đã trở thành truyền thống hào hùng, là tài sản vô giá của địa phương.

Ghi lại những chặng đường lịch sử chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân ta là một việc làm thiết thực và cấp bách nhằm phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân trong toàn tỉnh; củng cố lòng tin và tự hào chính đáng của mỗi cán bộ, đảng viên và nhân

¹ Có tài liệu ghi là Rừng Sát

dân; tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; nâng cao trình độ lãnh đạo và năng lực công tác của các cấp ủy Đảng, của cán bộ đảng viên để hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng; góp phần giáo dục lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho các thế hệ mai sau.

Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt hơn nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng kiên cường, đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đồng Nai lần thứ V, thứ VI, sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự đóng góp tư liệu, ý kiến của nhiều cán bộ cách mạng lão thành, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh, bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai đã tiến hành sưu tập và biên soạn cuốn **Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai** gồm 3 tập: Tập I, trình bày lịch sử Đảng bộ từ khi hình thành (1930 – 1954). Tập II, Đảng bộ lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tập III, Đảng bộ Đồng Nai lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đến nay, tập I đã hoàn thành, tập II đã xong phần kháng chiến chống Pháp. Lần xuất bản này, quyển sách sẽ bao gồm tập I và một phần tập II (kháng chiến chống Pháp).

Việc nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng bộ là một công trình khoa học có rất nhiều khó khăn phức tạp. Bộ phận biên tập đã có nhiều cố gắng trong việc sưu tầm, biên soạn và được sự đóng góp, giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cơ quan nghiên cứu, đồng đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh. Song do trình độ chuyên môn và điều kiện nghiên cứu, sưu tầm tư liệu của cán bộ còn hạn chế, cuốn sách không tránh khỏi những khuyết điểm và thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí và đồng bào để tiếp tục sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh hơn và thêm nhiều kinh nghiệm khi tiếp tục biên soạn tập II (phần chống Mỹ) và tập III.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan và đồng bào, đồng chí đã đóng góp nhiều công sức để hoàn thành cuốn sách này.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho xuất bản cuốn **Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai** và xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Biên Hòa, ngày 20 tháng 10 năm 1996

TRẦN THỊ MINH HOÀNG
Ủy viên Trung ương Đảng
Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai

PHẦN I

ĐẢNG BỘ BIÊN HÒA TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

ĐỒNG NAI:

- ❖ VÙNG ĐẤT
- ❖ CON NGƯỜI
- ❖ TRUYỀN THÔNG

Đồng Nai là một tỉnh ở miền Đông Nam bộ, vùng đất nối liền giữa Nam bộ, cực Nam Trung bộ và Nam Tây Nguyên.

Tỉnh Đồng Nai phía bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp biển và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, phía tây giáp tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, thành phố Hồ Chí Minh, phía đông giáp tỉnh Bình Thuận. Diện tích tự nhiên của tỉnh 5.864,77 km²⁽¹⁾.

Đất Đồng Nai theo nhà sử học Lê Quý Đôn viết trong “*Phủ Biên Tạp Lục*” là tên gọi của cả vùng đất Nam bộ rộng lớn: “...Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai từ cửa biển Cần Giò, Soài Rạp, Cửa Đại, Cửa Tiểu trở vào toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm...”

Năm 1698, Nguyễn Hữu Kính (Nguyễn Hữu Cảnh) được chúa Nguyễn Phúc Chu cử vào kinh lược xứ Đàng trong, ông đã xây dựng hệ thống hành chính và thiết chế xã hội của người Việt ở Nam bộ: “*Lấy đất Nông Nại là phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, mỗi dinh đặt một chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị*”⁽²⁾.

Từ năm 1698 đến nay, địa lý hành chính của Đồng Nai nhiều lần thay đổi theo sự biến thiên của lịch sử với các tên gọi: Trấn Biên (1698), trấn Biên Hòa (1808), tỉnh Biên Hòa (1832), đến năm 1957, chính quyền Sài Gòn cắt huyện Xuân Lộc lập tỉnh Long Khánh.

¹ Số liệu Chi Cục Thống kê Đồng Nai

² Trịnh Hoài Đức - *Gia Định thành Thông Chí* - tập trung, trang 12

Với cách mạng, trong 30 năm kháng chiến (1945-1975), do yêu cầu của chiến trường, địa bàn Đồng Nai nhiều lần tách nhập, hình thành các tỉnh với tên gọi: tỉnh Biên Hòa, Thủ Biên, Bà Rịa - Long Khánh, Bà Biên, Phước Thành, U1,

Phân khu 4, thành phố Biên Hòa, Phân khu Bà Rịa, Tân Phú ⁽¹⁾.

Tháng 1- 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở sáp nhập các tỉnh Biên Hòa (nông thôn, thị xã), Bà Rịa – Long Khánh, Tân Phú. Tháng 8 – 1991, theo quyết định của kỳ họp thứ 9 Quốc Hội khóa VIII lập thêm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ba huyện Long Đất, Châu Thành, Xuyên Mộc thuộc tỉnh mới.

Tỉnh Đồng Nai có 9 huyện, thị, thành phố: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất, Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa, gồm 163 xã, phường, thị trấn. Dân số toàn tỉnh 2.047.899 ⁽²⁾ người gồm nhiều dân tộc như Kinh, Hoa, Châu ro, Stiêng, Mạ, K’ho, Chăm, Khomer, Tày, Nùng..., trong đó người Kinh chiếm 92,8 %.

Đồng Nai có 5 tôn giáo: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo. Riêng Phật giáo và Thiên Chúa giáo là 2 tôn giáo có tín đồ đông nhất ở tỉnh. Đạo Phật vào Đồng Nai từ lâu đời và có quan hệ tốt với cách mạng ⁽³⁾. Đạo Thiên Chúa giáo vào Đồng Nai từ cuối thế kỷ XVII⁽⁴⁾. Ngoài 5 tôn giáo trên, nhân dân Đồng Nai còn có tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên, tôn thờ những vị thần có công khai phá lập làng xã, có công với đất nước (như đình thần).

Về địa hình, Đồng Nai hình thành 2 vùng, vùng trung du thuộc địa bàn tiếp giáp với cao nguyên Lâm Đồng có huyện Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh, Thống Nhất. Vùng đồi thoải và đồng bằng có huyện Vĩnh Cửu, phía tây huyện Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch.

Đồng Nai có vài núi. Núi cao nhất là núi Chứa Chan ở Xuân Lộc (817m).

Diện tích rừng Đồng Nai chiếm khoảng 45% diện tích tự nhiên. Rừng Đồng Nai thuộc loại rừng nhiệt đới có nhiều loại gỗ quý như cẩm, gỗ, trắc, cẩm xe, giáng hương, bằng lăng, sao... nhiều loại cây thuốc như tô mộc, sa nhân,... Các loại thú lớn như voi, tê giác, hổ, nai... và hàng trăm các loại chim thú, loài bò sát khác. Trong 2 cuộc kháng chiến, rừng Đồng Nai gắn liền với những căn cứ địa, chiến khu nổi tiếng như Chiến khu Đ, Rừng Sác... Trong kháng chiến chống Mỹ, rừng Đồng Nai bị thiệt hại do bom đạn, chất độc hoá học, khai hoang của đế quốc Mỹ gây ra. Từ sau ngày thống nhất đất nước, do sự hạn chế về nhận thức, do quản lý yếu kém, khai thác thiếu quy hoạch nên rừng Đồng Nai ngày càng bị cạn kiệt.

Hiện nay, Đồng Nai còn rừng Nam Cát Tiên là rừng nguyên sinh nhiệt đới, độ ẩm cao có nhiều loại cây, thú hiếm đã được Nhà nước công nhận là “Rừng Quốc gia”.

¹ 05- 1951: Thủ Biên

Năm 1955: Biên Hòa

09- 1960 : Thủ Biên

07- 1961 : Biên Hòa - Bà Rịa

12- 1961 : Nhập thêm tỉnh Long Khánh

03- 1963 : Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh

04- 1963 : Bà Biên (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh)

09- 1965 : U1, Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh

12- 1966 : U1, Bà Biên (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh)

10- 1967 : U1, Phân khu 4, Bà Rịa - Long Khánh

05- 1971 : Phân khu Thủ Biên (Phân khu 5 - U1), Phân khu Bà Rịa

10- 1972 : Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh

Sau hiệp định Paris năm 1973, tỉnh Biên Hòa, thành phố Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Đầu năm 1974: Trung ương Cục thành lập thêm tỉnh căn cứ Tân Phú.

² Số liệu thống kê đến tháng 4 năm 1996

³ Những ngôi chùa cổ như Đại Giác Tự ở Hiệp Hòa, Bửu Phong ở Tân Bửu, Long Thiền ở Bửu Hòa...

⁴ Sau năm 1954, 147.000 đồng bào Thiên Chúa giáo từ miền Bắc đã vào định cư ở Đồng Nai

Những ngọn núi lửa ngưng hoạt động cách đây hàng triệu năm đã để lại những lớp nham thạch tạo nên một vùng đất đỏ bazan màu mỡ rộng lớn ở Tân Phú, Xuân Lộc, Thống Nhất, rất thích hợp với việc xây dựng vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày (cao su, thuốc lá, tiêu, điều, mía...).

Đồng bằng Đồng Nai nằm trải nghiêng về biển Đông, là vùng đất phù sa mới, trọng điểm lúa của tỉnh là Long Thành. Nằm dọc hai bên triền sông Đồng Nai từ Tân Triều (Vĩnh Cửu) đến Phú Hội (Long Thành). Là vùng cây trái xum xuê bốn mùa xanh tốt với các loại cây ăn trái nổi tiếng như bưởi Tân Triều, sầu riêng, chôm chôm...

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có hai mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11; mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4. Lượng mưa bình quân 1.700mm. Đồng Nai rất ít khi xảy ra thiên tai lũ lụt, lượng nước và giờ nắng phù hợp càng tạo thêm điều kiện để phát triển nông nghiệp toàn diện.

Lòng đất Đồng Nai chứa nhiều khoáng sản quý, nổi tiếng như đá xây dựng, đất sét, cao lanh dùng cho vật liệu xây dựng, hàng gốm mỹ nghệ, hình thành những làng gốm, lu, gạch, ngói nổi tiếng như Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An; than bùn làm chất đốt; các loại đá ốp lát, đá quý làm hàng xuất khẩu...

Đồng Nai có nhiều sông suối. Sông Đồng Nai là sông lớn nhất ở miền Đông Nam bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên, đoạn chảy qua tỉnh dài 290 km, có nhiều phụ lưu như sông Bé, sông La Ngà. Ngoài nguồn nước phục vụ cho nông nghiệp, sinh hoạt, sông Đồng Nai còn là nguồn “vàng trắng” với công trình thủy điện Trị An công suất 420.000 kw, cung cấp điện cho cả Nam bộ⁽¹⁾.

Đồng Nai nằm trong khu vực tam giác trọng điểm kinh tế thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu có vị trí chiến lược quan trọng, là cửa ngõ phía đông nam Sài Gòn; là đầu cầu nối thông ra biển Đông. Đồng Nai có khu công nghiệp Biên Hòa lớn nhất ở miền Nam⁽²⁾. Rừng Đồng Nai nối liền rừng Tây Nguyên, cực nam Trung bộ tạo nên một hành lang, một căn cứ liên hoàn của cách mạng ở Nam bộ.

Đồng Nai có hệ thống đường giao thông thuận lợi. Quốc lộ 1 nối liền thành phố Hồ Chí Minh - miền Bắc qua Đồng Nai; quốc lộ 51 Biên Hòa đi Vũng Tàu; quốc lộ 20 đi Tây Nguyên, xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn (30km). Ngoài ra còn có hệ thống đường liên tỉnh số 2, 3, 16, 24, 25 thuận lợi cho giao thông vận chuyển hàng kinh tế, quân sự. Đồng Nai có đường sắt xuyên ngang dài 90km; đường sông Đồng Nai, sông Lòng Tàu thông ra biển Đông. Đường không Đồng Nai có sân bay Biên Hòa - trước đây được đế quốc Mỹ sử dụng cho mục tiêu chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), ta tiếp quản sử dụng bảo vệ Tổ quốc.

Trong 30 năm chiến tranh, Đồng Nai luôn là một chiến lược quan trọng được thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và xây dựng thành một hậu cứ trực tiếp cho Sài Gòn. Đặc biệt trong chiến tranh xâm lược, địch xây dựng Đồng Nai thành một trung tâm chỉ huy đánh phá cách mạng ở miền Đông Nam bộ. Chúng mở rộng, hiện đại hóa sân bay chiến lược Biên Hòa và 18 sân bay dã chiến khác, xây dựng nhiều căn cứ quân sự lớn (Quân đoàn 3 nguy, Nha Cảnh sát, Bộ Tư lệnh dã chiến II Mỹ, căn cứ huấn luyện Nước Trong...), kho tàng (lớn nhất là kho liên hợp Long Bình), trung tâm huấn luyện Nước Trong. Biên Hòa cũng là nơi địch lập “phòng tuyến thép” cuối cùng để bảo vệ chế độ Sài Gòn.

Với cách mạng, Đồng Nai là nơi sớm hình thành giai cấp công nhân, đông đảo là công nhân cao su cùng với nông dân lao động là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Ngay từ khi ra đời, Đảng chỉ đạo xây dựng cơ sở cốt cán trong quần chúng để lãnh đạo quần chúng hành động cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đồng Nai là một trong những trung tâm cách mạng với hệ thống căn cứ địa liên hoàn, nơi đứng chân chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục; là địa bàn quan trọng đứng chân của quân chủ lực ta tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh Mỹ nguy, là một hành lang, đầu cầu tiếp nhận hàng chi viện từ hậu phương

¹ Đồng Nai còn các sông suối lớn khác như: La Ngà, Đồng Môn, Lá Buông, Rạch Đông, Suối Cả, Thị Vải, Ông Kèo...

² Hiện nay đã quy hoạch tất cả 11 khu công nghiệp trên toàn tỉnh.

miền Bắc cho miền Đông. Đây cũng là nơi diễn ra trận quyết chiến đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Cách đây từ 2500 đến 4000 năm, Đồng Nai là một trong những địa bàn cư trú của dân cư bản địa, họ đã tạo cho mình một nền văn minh khá đặc sắc. Hàng chục di chỉ khảo cổ đã được khai quật tại Đồng Nai⁽¹⁾ với hàng ngàn hiện vật gồm công cụ sản xuất bằng đá, đồ sắt được chế tác tinh vi đã khẳng định đất Đồng Nai xưa là một trung tâm dân cư đông đúc có nền kinh tế khá phát triển ở miền Đông Nam bộ. Như vậy, về mặt thiết chế xã hội, Đồng Nai là một tỉnh còn trẻ so với chiều dày lịch sử của dân tộc⁽²⁾. Thế nhưng, từ trước đó rất lâu, người Việt đã có mặt trên đất này cùng với dân cư bản địa như người Châu ro, Stiêng, Chăm... “Chung lưng đấu cật” chinh phục thiên nhiên, xây dựng cuộc sống phồn vinh. Theo Phan Khoang trong cuốn “Việt sử xứ đàng trong”⁽³⁾ từ năm 1630 vùng đất Kroykro (tức Sài Gòn, Biên Hòa, Bà Rịa) đã có nhiều người Việt đến khai phá đất đai.

Giữa thế kỷ XVII, những người dân đói khổ vì chiến tranh Trịnh - Nguyễn, vì nạn bóc lột của vua quan, những tội nhân, những người lính chống chiến tranh đao ngũ đã đi về phía Nam tìm đất sống. Họ đi bằng ghe thuyền, đi lẻ tẻ, có khi đi cả gia đình. Mức độ chiến tranh giữa 2 tập đoàn phòng kiến Trịnh - Nguyễn càng gay gắt thì số người tìm đường vào Nam cũng tăng lên. Những người Việt đã hợp sức với nhau cùng cư dân tại chỗ khai hoang lập làng sinh sống ở vùng đất Môxuy (Mô Soài) nay là các khu vực thuộc xã Long Hương, Phước Lễ lên Đất Đỏ, huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Một bộ phận người Việt khác theo dòng sông Đồng Nai ngược lên phía Bắc lập làng Mỹ Uyên (Tân Uyên), định cư ở các vùng ven sông lập làng xóm mới: Bến Gỗ, Bến Đá, Cù Lao Rùa, Cù Lao Phỏ... Cuối những năm 70 của thế kỷ XVII, ngoài người Việt và cư dân bản địa còn có các nhóm người Hoa từ Quảng Đông, Quảng Tây chủ yếu là quan quân nhà Minh chống đối sự xâm lăng của nhà Mãn Thanh đã trốn chạy qua Việt Nam, được chúa Nguyễn cho ẩn náu và sinh sống ở Nam bộ. Đến Biên Hòa có nhóm Trần Thượng Xuyên (1695) được phép định cư ở vùng Bàn Lân, Cù Lao Phỏ.

Như vậy, những lớp cư dân người Việt vào đất Biên Hòa Đồng Nai là những tầng lớp phản kháng mọi áp bức, hà khắc của chế độ phong kiến. Họ là những người yêu lao động, muốn được phóng khoáng tự do, những lớp người này đã cùng chống chọi với thiên nhiên tạo dựng nên một cuộc sống vật chất và tinh thần phong phú. Một giáo sĩ người Pháp Chritipho Boris có dịp đến đất Đồng Nai đã nhận xét: “Dân ở đây sống thuận hòa, cư xử với nhau thẳng thắn, thật thà như anh em ruột thịt”.

Có tinh thần đoàn kết, có đức tính cần cù lao động, những người dân Việt cùng cư dân tại chỗ đã “biến những đám rừng hoang vu và cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm”⁽⁴⁾ thành xóm làng trù phú, những cánh đồng xanh tươi và cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Từ giữa thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, Cù lao Đại Phỏ (nay là xã Hiệp Hòa - Biên Hòa) đã trở thành một hải cảng lớn, một trung tâm thương mại sầm uất ở Nam bộ, đầu mối giao lưu với kinh tế nước ngoài. Trịnh Hoài Đức đã mô tả Cù Lao Đại Phỏ như sau: “Lâu quá đôi tầng rục rờ trên bờ sông, liên lạc năm dặm và phân hoạch ra làm 3 nhai lộ. Nhai lớn ở giữa phỏ lát đá trắng, nhai ngang lát đá ong, nhai nhỏ lát đá xanh, đường sông bằng phẳng, người buôn tụ tập đông đảo, tàu biển ghe sông đến đậu chen lấn nhau, còn những nhà buôn to ở đây thì nhiều hơn hết”⁽⁵⁾.

Trong quá trình xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã tìm thấy ở Đồng Nai một miền đất nước được thiên nhiên ưu đãi, giàu tài nguyên đáp ứng được yêu cầu bóc lột làm giàu cho chúng. Chương trình khai thác thuộc địa của thực dân đã được toàn quyền Paul Doumer vạch ra từ năm 1897: Xây dựng cơ sở hạ tầng Đông Dương với một quy mô to lớn, một hệ thống đường sắt, đường bộ, đường sông, bến

¹ Hàng Gòn, Suối Chồn, Bình Giã, Cái Vạn, Long Giao, Suối Linh.

² Tính từ năm 1698 đến 1998 Biên Hòa – Đồng Nai tròn 300 năm.

³ Phan Khoang - *Việt sử xứ đàng trong*, Nhà xuất bản Khai Trí – Sài Gòn năm 1970 - trang 401- 404.

⁴ Lê Quý Đôn - *Phủ Biên Tạp Lục*, Quyển IV - từ 2019.

⁵ Trịnh Hoài Đức – *Gia Định Thành Thông Chí*

cảng để phục vụ cho việc khai thác Đông Dương... đẩy mạnh sản xuất và thương mại của thuộc địa bằng việc phát triển công cuộc thực dân của người Pháp và lao động người bản xứ.

Tư bản Pháp đã đổ xô đầu tư vốn khai thác tài nguyên thiên nhiên ở Biên Hòa, mạnh nhất là vào những năm đầu thế kỷ XX. Chúng xây dựng hệ thống xí nghiệp công nghiệp khai thác lâm sản, những công ty đồn điền khai thác cao su.

Cùng với công cuộc khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp, giai cấp công nhân ở Đồng Nai hình thành. Mức độ khai thác càng cao thì số lượng công

nhân càng tăng lên. Người công nhân phải bán sức lao động để kiếm sống, biết mình bị bóc lột, kiếp sống ngựa trâu nhưng không có cách nào khác. Trước năm 1914, số lượng công nhân làm ở các công trường, xí nghiệp, các đồn điền cao su ở Biên Hòa là 2.500 người. Đến năm 1930, riêng công nhân cao su ở Biên Hòa tăng hơn 4 lần.

Đội ngũ công nhân các xí nghiệp, công ty đồn điền hầu hết được tư bản thực dân Pháp tuyển mộ từ những người nông dân nghèo khổ chịu sự chà đạp, bóc lột của địa chủ phong kiến ở miền Trung, miền Bắc. Hình thức tuyển dụng của tư bản thực dân là “mộ phu” hay ký công tra (giao kèo). Sự thực của hình thức tuyển dụng này được tờ báo Volonté Indochinoise (Ý chí Đông Dương) ra ngày 10 tháng 8 năm 1927 vạch trần: “Đó là sự tái bản trong giữa thế kỷ XX này của cái chợ buôn nô lệ”.

Thực dân Pháp cùng bọn mộ phu đã cố thủ dệt nên một “thiên đường” đất đỏ Nam kỳ. Nhưng khí hậu khắc nghiệt của núi rừng, sự bóc lột của bọn chủ Tây bằng chế độ lao động nặng nhọc, ăn uống thiếu dinh dưỡng, thường xuyên bệnh đau thiếu thuốc uống, lại bị bọn địa chủ, cai, xu, xếp đánh đập, cúp phạt đã biến những đồn điền cao su của tư bản Pháp ở Biên Hòa thành những “địa ngục trần gian” đối với người phu cao su. Người công nhân cao su chết dần chết mòn, ít ai hết hạn giao kèo lại được trở về quê nhà.

Sự bóc lột của người công nhân cao su càng tồi tệ thì lợi nhuận của bọn tư bản thực dân càng không ngừng tăng lên. Do vậy, mâu thuẫn giữa đội ngũ công nhân Biên Hòa và bọn chủ tư bản ngày càng gay gắt.

Ngoài giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tại Biên Hòa cũng là nạn nhân của chế độ thực dân phong kiến.

Ở nông thôn Biên Hòa, quá trình khai phá đất đai dần dần dẫn đến sự phân hóa giai cấp, đó là giai cấp địa chủ và người tá điền làm thuê. Nhất là dưới chế độ thực dân phong kiến, bọn tư bản thực dân cấu kết với giai cấp địa chủ, tìm mọi cách cướp ruộng rẫy của nông dân các vùng đất đỏ bazan để mở rộng đồn điền trồng cao su, cà phê... và biến những người nông dân không còn tư liệu sản xuất đó thành những người phu nô lệ làm thuê làm mướn cho bọn chủ. Thêm vào đó là nạn thuế khóa nặng nề, lao dịch quanh năm. Cuộc sống nông dân ngày càng túng bần, nợ nần, đói rét. Ngược lại, bọn địa chủ ngày càng giàu có. Sự phân hóa xã hội đã dẫn đến mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân nghèo với giai cấp địa chủ, sự mâu thuẫn này càng gay gắt và tất yếu sẽ xảy ra đấu tranh giai cấp giữa nông dân với địa chủ.

Biên Hòa có tầng lớp thợ tiểu thủ công nghiệp làm thuê ở các lò lu, lò gạch ngói, lò gốm tập trung ở vùng Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An, Tân Hạnh... Hầu hết họ đều xuất thân từ giai cấp nông dân bị phá sản, hoặc vừa làm nông nghiệp vừa làm thợ tiểu thủ công nghiệp. Cuộc sống lao động của họ vô cùng vất vả cực nhọc để làm giàu cho bọn chủ.

Tầng lớp tiểu tư sản ở Biên Hòa, cuộc sống dựa vào đồng lương của chính quyền thực dân nửa phong kiến. Một số là “công chức cao cấp” như đốc phủ sứ, tri huyện, tri phủ khá giả, còn đại đa số là công chức nhỏ, tư chức, giáo viên, học sinh... phải chạy ăn hàng ngày cuộc sống tối tăm, bết tắc về chính trị, về kinh tế bị ảnh hưởng bởi chính sách thuế khóa, biến động về giá cả.

Về văn hóa, chính quyền thực dân áp dụng chính sách ngu dân, 95% nhân dân Biên Hòa mù chữ. Trong hơn 7000 công nhân cao su chỉ có 120 người đi học. Toàn huyện Long Thành (từ năm 1929 đến

năm 1932) chỉ có một trường học dạy đến lớp 1 (ở Phước Thiện), một trường dạy đến lớp 2 (Phước Lộc). Toàn tỉnh Biên Hòa chỉ có 3 trường tiểu học.

Riêng quận Xuân Lộc có một trường tiểu học nhưng để dành cho con em công chức Pháp, quan lại, địa chủ. Ở thị xã Biên Hòa tuy có nhiều trường học hơn, nhưng cũng chỉ dạy đến cấp I (trường tiểu học Nguyễn Du), Trường Bá nghệ (École D'art). Các thị trấn, thị xã nhan nhản những tiệm rượu (viết tắt RA) và tiệm hút thuốc phiện (viết tắt RO) do bọn thực dân Pháp quản lý và khuyến khích người dân sử dụng. Nạn cờ bạc, hút xách từ thị trấn đến nông thôn, đồn điền cao su được mở ra để làm bần cùng hóa người dân.

Chế độ khai thác thuộc địa dã man của thực dân tư bản Pháp, sự cấu kết chặt chẽ giữa thực dân với địa chủ phong kiến đã làm phân hóa xã hội Biên Hòa một cách sâu sắc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, trong đó có 2 mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với chế độ thực dân Pháp và mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân lao động mà chủ yếu là giai cấp công nhân, nông dân với bọn tư bản (bản xứ và thực dân) cấu kết với bọn địa chủ phong kiến.

Ngay từ khi mở đất, thiên nhiên khắc nghiệt ở Biên Hòa đã buộc người dân Việt, dân bản địa đoàn kết một lòng chống lại thú dữ, thiên tai, lam sơn chướng khí. Sự bóc lột của thực dân và địa chủ đã làm cho tình thương yêu, đoàn kết tương ái giai cấp trong nông dân, công nhân và các tầng lớp lao động khác ngày càng gắn bó hơn. Giai cấp công nhân Biên Hòa, đại đa số xuất thân từ nông dân đã liên kết với giai cấp này thành “đồng minh” tự nhiên với nhau. Cùng với truyền thống văn hóa, tinh thần lao động cần cù đã tạo nên lòng yêu thương quê hương tha thiết, tinh thần đoàn kết giai cấp, đoàn kết trong nhân dân, là truyền thống quý báu của nhân dân Biên Hòa.

Ngày 12 tháng 2 năm 1859, liên quân Pháp -Y Pha Nho nổ súng đánh chiếm thành Gia Định, mở đầu công cuộc xâm lược ở Nam bộ.

Tháng 2 năm 1861, đại đồn Chí Hòa thất thủ, Nguyễn Tri Phương dẫn hơn 600 quân lui về thành Biên Hòa để tiếp tục chiến đấu.

Triều đình nhà Nguyễn hèn nhát đầu hàng thực dân Pháp. Nhưng nhân dân Biên Hòa dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước đã đứng lên chống giặc Pháp quyết liệt.

Sau khi chiếm Biên Hòa, tên đại tá Diégo dẫn một cánh quân đánh xuống Long Thành. Tổng lãnh binh Nguyễn Đức Ứng đã lãnh đạo nghĩa quân chặn đánh địch quyết liệt. Dù vũ khí thô sơ, nghĩa quân Long Thành cầm cự với quân Pháp từ sáng sớm đến 14 giờ. Quân Pháp phải tăng cường viện binh từ Biên Hòa xuống đánh chiếm theo lộ 17 và 19 bao vây nghĩa quân. Ngày 20 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Đức Ứng hy sinh, nghĩa quân phải rút vô rừng.

Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, đồng bào Châu ro, Stiêng ở Biên Hòa đã sát cánh cùng nghĩa quân chiến đấu hết sức dũng cảm, làm cho quân Pháp bị nhiều thất bại. Tổng hành dinh của đại tá Loubère ở Biên Hòa nhiều lần bị nghĩa quân bao vây tiến công. Tên Peyon thiếu tá hải quân Pháp thú nhận: “Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo các bộ lạc người Thượng ở Biên Hòa, Bà Rịa. Trước đó, những người này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này chứng tỏ quân khởi nghĩa ở Biên Hòa, Bà Rịa đã có những trợ lực quan trọng”.

Ngày 20 tháng 8 năm 1864, Trương Định hy sinh, con là Trương Quyền tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến, lập căn cứ ở Giao Loan (Rừng Lá). Từ căn cứ này, nghĩa quân nhiều lần tổ chức tiến công giặc Pháp ở Biên Hòa.

Nhân dân ở Xuân Lộc, Bàu Cá đã tích cực giúp đỡ nghĩa quân chống thực dân Pháp.

Tháng 4 năm 1865, với một lực lượng quân sự lớn, thực dân Pháp phải bị nhiều tổn thất mới chiếm được căn cứ Giao Loan, phát triển đánh chiếm đồn Gia Phú, Gia Lào, Bàu Cá. Cuối tháng 4 năm 1865, lực lượng nghĩa quân ở Biên Hòa bị tan rã, phong trào kháng chiến bị lắng xuống một thời gian.

Những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước và kháng chiến của nhân dân chống thực dân, phong kiến lại nổ ra ở Biên Hòa. Các “hội kín” được thành lập như hội kín của ông Đoàn Văn Cự ở

Bình Đa (Tam Hiệp - Biên Hòa) năm 1906. Nhóm Lâm Trung ở quận Châu Thành tỉnh Biên Hòa tổ chức tiến công trụ sở tề giải thoát thanh niên bị bắt lính đưa sang Pháp vào đêm 14 tháng 2 năm 1916. Một bộ phận vũ trang ở Bình Trước do các ông Mười Sốt, Mười Tiết chỉ huy (cũng thuộc nhóm Lâm Trung) tổ chức đánh phá khám đường tại thị xã Biên Hòa, bắn súng thị uy vào nhà tên chủ tỉnh Biên Hòa ngày 16 tháng 2 năm 1916.





Đi ngựa, phương tiện giao thông trong căn cứ chiến khu Đ.

(Ảnh tư liệu Bảo tàng Đồng Nai)



Đài Kỷ niệm Biên Hòa - di tích đã được xếp hạng.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng, chụp trước 1975)



Đồng chí Phạm Văn Thuận (tức Phạm Hồng Anh)
đảng viên năm 1935. Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa 1948 -
1951, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thủ Biên 1951 - 1954.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)



Đồng chí Trương Văn Bang, nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ 1933, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa năm 1937.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)



Đông chi Hồ Văn Đại, đảng viên 1935, nguyên Trưởng Công an tỉnh Thủ Biên 1951 - 1954.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)



Đông chi Nguyễn Văn Lương, Chỉ huy phó Chi đội 10 Biên Hòa, người chỉ huy trận đánh giao thông Lu N:24 (1/3/1948) về thăm chiến trường xưa (người ở đầu X trong ảnh)

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng, Chụp năm 1980)



Cố Thiếu tướng Nguyễn Hồng Lâm tái Hội Bưu ngược Trên đoàn trường Tiểu đoàn Vận tải chiến lược 320 Pháo liên khu miền Đông trong chống Pháp.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)



Bộ đội Thủ Biên trên đường tập kết ra Bắc tháng 8/1954.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)



Đồng tiền Bác Hồ, lưu hành trong vùng căn cứ và giải phóng của Biên Hòa thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

(Ảnh tư liệu Phòng NCLS Đảng)

Các hoạt động vũ trang của các tổ chức này đã bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội và dần dần bị tan rã.

Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của cụ Phan Chu Trinh đã có tiếng vang và tác động nhất định đến tinh thần yêu nước của nhân dân Biên Hòa, nhất là trong giới thanh niên học sinh vào những năm 20 của thế kỷ XX.

Đặc biệt đội ngũ công nhân Biên Hòa tuy mới ra đời nhưng không ngừng đấu tranh cho quyền lợi giai cấp bằng nhiều hình thức từ thấp đến cao.

Công nhân nhà máy cửa BIF, công nhân đường sắt trong những năm 20 đã liên tục tổ chức những cuộc đấu tranh nhỏ lẻ chống lại sự áp bức, bóc lột của bọn chủ tư bản đòi quyền dân sinh, dân chủ. Nổi bật là tinh thần đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su.

Tháng 12 năm 1926, 500 công nhân ở đồn điền cao su Cam Tiêm (Ông Quế) đồng loạt bãi công phản đối sự lừa gạt của bọn mộ phu; phản đối chủ sở không thực hiện những điều cam kết trong bản giao kèo. Bọn tư bản thực dân phải huy động lính đến đàn áp dã man để dập tắt cuộc bãi công.

Trong tháng 8 và 9 năm 1927, công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (1) cũng nhiều lần nổi dậy đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế. Công nhân nổi dậy giết tên xếp Tây Mông-téc-lô (Monterlo) và lũng bắt, cảnh cáo một tên cai, xu, xếp gian ác ở phân sở.

¹ Phú Riềng lúc bấy giờ thuộc tỉnh Biên Hòa

CHƯƠNG I

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG BỘ BIÊN HÒA - NHỮNG HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẢNG BỘ TRONG THỜI KỲ 1930 - 1945

SỰ RA ĐỜI CỦA CHI BỘ ĐẢNG PHÚ RIỀNG - BÌNH PHƯỚC - TÂN TRIỀU - BIÊN HÒA

Từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhân dân ta khấp nơi từ Nam chí Bắc dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước đã liên tiếp vùng lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược giành độc lập dân tộc. Nhưng các cuộc khởi nghĩa đều lần lượt thất bại. Nguyên nhân chính là tất cả các cuộc đấu tranh đó chưa có một đường lối đúng đắn để tập hợp được đông đảo nhân dân chống giặc, phù hợp với xu thế của thời đại.

Năm 1911, Bác Hồ (khi ấy với tên gọi là Nguyễn Tất Thành) đã vào Sài Gòn. Bác lấy tên là Ba và xin làm việc phụ bếp trên tàu Đờ-la-tút-sơ Tờ-rê-vin (De la Tousse Trévin). Ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Nhà Rồng, Bác ra đi tìm đường cứu nước.

Bằng thực tiễn lao động và trí tuệ của mình, Người đã khắc phục được sự hạn chế của các sĩ phu đương thời, hòa nhập với phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân các nước thuộc địa ở châu Phi, châu Mỹ La tinh, phong trào công nhân các nước châu Âu. Và từ đó, Người đã đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, chân lý của thời đại.

Ngày 16 tháng 7 năm 1920, lần đầu tiên trên đất Pháp, người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc⁽¹⁾ đã được đọc Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Người vô cùng cảm động và phấn khởi: ... Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”.⁽²⁾

Ngày 29 tháng 12 năm 1920, tại thành phố Tua (nước Pháp), đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người cộng sản Việt Nam đầu tiên bỏ phiếu tán thành cương lĩnh của Đề tam quốc tế Cộng sản và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Năm 1921, Người cùng một số bạn chiến đấu ở nước khác lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa. Hội cho xuất bản tờ báo Người cùng khổ (le Paria) để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng cách mạng giai cấp vô sản, tư tưởng giải phóng dân tộc đến các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ La tinh. Từ đây báo Người cùng khổ và nhiều sách báo Mác-xít đã vượt qua mạng lưới kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp, truyền một luồng gió cách mạng mới đến với đồng bào nước ta. Trong đó có tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp. Người đã vạch trần sự giả dối, lừa bịp của thực dân Pháp về sự kiện “Những ngày hội ở Biên Hòa” khi chúng tổ chức khánh thành đài kỷ niệm “Người Việt trận vong” mà nhân dân Biên Hòa quen gọi là Đài Kỷ Niệm.

Cũng trong khoảng thời gian này, năm 1919 đồng chí Tôn Đức Thắng - một thợ máy người Việt Nam, đã kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm hải quân Pháp ở Hắc Hải để phản đối sự can thiệp của các nước đế quốc đồng thời ủng hộ Liên Xô, nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. Sau sự kiện này, đồng chí bị thực dân Pháp bắt buộc phải trở về Việt Nam. Và năm 1920, đồng chí đã bí mật vận động lập tổ chức Công hội tại thành phố Sài Gòn.

¹ Tên của Bác lúc bấy giờ

² **Hồ Chí Minh tuyển tập** - NXB Sự Thật- Hà Nội năm 1970, trang 704.

Tháng 11 năm 1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu - Trung Quốc mở lớp huấn luyện để đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Giữa năm 1925, tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội” được thành lập. Nhiều hội viên sau khi học tập đã trở về nước hoạt động cách mạng.

Tháng 10 năm 1926, các đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi được cử về Sài Gòn xây dựng cơ sở. Sau khi bắt liên lạc và thu nhận tổ chức công hội bí mật của đồng chí Tôn Đức Thắng, mạng lưới kỳ bộ “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội” phát triển nhanh chóng ở Sài Gòn và ở các tỉnh Nam bộ với khoảng hơn 500 hội viên⁽¹⁾.

Tại Biên Hòa, một số tiểu tổ “Thanh niên cách mạng đồng chí hội” được tổ chức ở đồn điền cao su Cam Tiêm⁽²⁾ đê-pô xe lửa Dĩ An. Tháng 4 năm 1928, chi bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ở đồn điền cao su Phú Riềng được thành lập⁽³⁾ có 5 hội viên do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm Bí thư⁽⁴⁾.

Từ những hạt giống này, đội ngũ cán bộ, cơ sở cách mạng ở Biên Hòa ngày một tăng thêm. Họ là những nhân cốt tổ chức, vận động đông đảo quần chúng lao động bước vào thời kỳ đấu tranh mới có sự lãnh đạo của các tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội”. Phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh dấy lên ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào đấu tranh của công nhân ở các đồn điền cao su.

Ngày 20 tháng 3 năm 1928, hơn 400 cao su ở Cam Tiêm đồng loạt bãi công, kéo nhau ra sân diêm, đưa yêu sách đòi thực hiện những điều khoản trong bản “công tra” mà họ đã ký với chủ đồn điền. Cuộc bãi công kéo dài từ sáng sớm đến chiều. Công nhân dùng gậy gộc bao vây văn phòng sở. Bọn chủ, xếp hoảng sợ bỏ trốn sang đồn điền Dầu Giây, đồng thời cho người đến bố trí hiến binh Xuân Lộc điện cấp báo về tòa bố Biên Hòa yêu cầu tăng viện lực lượng. Tên tỉnh trưởng Biên Hòa cấp tốc đưa 20 lính và hiến binh lên Xuân Lộc, kéo vào đồn điền Cam Tiêm để đàn áp. Một cuộc xô xát đẫm máu giữa công nhân cao su và hiến binh Pháp diễn ra làm hàng chục người chết và bị thương. Nhiều công nhân bỏ trốn tản mát ra rừng.

Cuộc đấu tranh của công nhân quyết liệt, chủ tư bản phải sử dụng đến binh lính Pháp đàn áp bằng bạo lực đã làm xôn xao và gây xúc động dư luận quần chúng trong nước và cả nước Pháp. Tổng Liên đoàn Lao động Pháp đã lên tiếng phản đối sự đàn áp của bọn thực dân tư bản đối với công nhân đồn điền và bày tỏ sự đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và công nhân Cam Tiêm nói riêng.

Đồng chí Becnadôni (B. Bernardoni) ủy viên Ban Chấp hành lao động Pháp đã vạch trần tội ác của bọn thực dân: “Hỡi người thợ thuyền ở cơ sở cao su! Anh có biết giá cao su bây giờ hạ lắm, thế mà bọn nghiệp chủ ngày càng giàu không? Anh bị bóc lột rồi anh ạ! Những sự nghiệp lớn lao làm cho người ta phải kinh hãi đó, tức là mồ hôi, nước mắt của hàng nghìn người lao động như anh vậy”. Và đồng chí còn kêu gọi: “Hỡi các anh cu li trong sở cao su, nếu anh em muốn bọn nghiệp chủ phải thừa nhận những yêu cầu chính đáng của anh em, thì anh em nên đoàn kết lại thành một công đoàn có thể lực... các anh hãy đoàn kết nhau lại, chưa muộn đâu”⁽⁵⁾.

Trước phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và quần chúng lao động đang dấy lên mạnh mẽ khắp toàn quốc, các tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội” và “Tân Việt cách mạng Đảng” không còn đủ khả năng lãnh đạo cách mạng được nữa. Đã đến lúc phải có một chính Đảng thực sự của giai cấp công nhân lãnh đạo để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Đầu tháng 8 năm 1929, đồng chí Châu Văn Liêm và một số đồng chí trong kỳ bộ Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội đã đứng ra thành lập An Nam Cộng sản Đảng tại Sài Gòn và tháng 11

¹ Tính đến đầu năm 1928.

² Nông trường cao su Ông Quế bấy giờ.

³ Phú Riềng thời kỳ bấy giờ thuộc tỉnh Biên Hòa.

⁴ Gồm các đồng chí: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Tạ, Hồng, Hòa

⁵ Báo **Tiếng Dân** số ra ngày 13 tháng 11 năm 1928.

năm 1929, ban lâm thời chỉ đạo (tức là Trung ương lâm thời) của Đảng được chỉ định gồm 5 đồng chí do đồng chí Châu Văn Liêm làm Bí thư.

Khoảng tháng 7 năm 1929, những người đảng viên tiên tiến của Tân Việt cũng đã tổ chức ra các chi bộ hoặc các nhóm đảng viên của Đông Dương Cộng sản liên đoàn ở Sài Gòn và một số tỉnh khác. Cũng trong thời gian này trung ương lâm thời của Đông Dương cộng sản Đảng đã đề cử đồng chí Ngô Gia Tự cùng một số đồng chí khác vào Sài Gòn hoạt động xây dựng cơ sở cho Đảng.

Như vậy, những tháng cuối năm 1929, các chi bộ, các nhóm cộng sản của 3 tổ chức trên lần lượt được xây dựng ở Nam bộ. Đồng chí Nguyễn Đức Văn (tự Nguyễn Tam) được đồng chí Ngô Gia Tự cử về Biên Hòa xây dựng cơ sở Đảng. Đồng thời đã liên lạc được với nhóm thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Phú Riềng. Ngày 28 tháng 10 năm 1929, chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng ở cao su Phú Riềng được thành lập có 6 đảng viên⁽¹⁾. Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ được cử làm Bí thư chi bộ.

Từ 6 đảng viên ban đầu, chi bộ đã giáo dục kết nạp thêm một số đảng viên mới rồi tung những “hạt giống đỏ” này đi vào các đồn điền cao su, các nhà máy, xí nghiệp để vận động cách mạng, tổ chức mạng lưới cơ sở ở một số địa phương khác.

Chỉ trong vòng mấy tháng cuối năm 1929, đầu năm 1930 cơ sở Đảng đã phát triển một số nơi trong tỉnh Biên Hòa như đề pô-xe lửa Dĩ An, nhà máy cưa BIF (2), đồn điền cao su Cam Tiêm, đồn điền Cuộc-tơ-nay.

Quan tâm đến phong trào cách mạng và trước tình hình trong nước Việt Nam có đến 3 tổ chức Cộng sản. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc với tư cách đại diện cho Quốc tế Cộng sản tới Hương Cảng (Trung Quốc) triệu tập hội nghị đại biểu các tổ chức cộng sản trong nước để thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị đã thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, điều lệ tóm tắt của Đảng. Tại hội nghị lịch sử này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam ra lời kêu gọi tới toàn thể nhân dân Việt Nam.

“...Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập... Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng...”⁽³⁾.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam do giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Mác-Lênin lãnh đạo.

Việc thống nhất các tổ chức Đảng ở Nam bộ cũng được tiến hành sau đó một thời gian ngắn. Ban lâm thời cấp ủy của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Nam Kỳ được thành lập do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư.

Ngay trong ngày thành lập Đảng (3 tháng 2 năm 1930), dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng, 5000 công nhân cao su Phú Riềng đã nổi dậy đấu tranh với các yêu sách: đòi thực hiện đúng hợp đồng giữa chủ và công nhân, cấm đánh đập cúp phạt, miễn sưu thuế, trả lương cho nữ công nhân nghỉ đẻ, ngày làm việc 8 giờ kể cả thời gian đi và về, bồi thường cho công nhân bị tai nạn lao động, ốm đau phải được trị bệnh và hưởng đủ lương... Trước khí thế đấu tranh mạnh mẽ của công nhân, tên chủ sở đã xoa dịu và hứa chấp nhận những yêu sách của công nhân. Cuộc đấu tranh Phú Riềng đã có tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở miền Đông.

Do chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật, giữ gìn lực lượng nên hầu hết các đồng chí đảng viên trong chi bộ cơ sở cốt cán đều bị địch phát hiện. Và chúng đã lần lượt lùng bắt hết người này đến người khác đưa về tại khám đường thị xã Biên Hòa giam giữ.

¹ Chi bộ Đảng gồm có các đồng chí: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Tạ, Hồng, Hòa và Doanh.

² [Nay là Nhà máy tổng hợp chế biến gỗ Tân Mai](#)

³ Hồ Chí Minh- **Vi độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội**, NXB Sự Thật, Hà Nội năm 1970, trang 210.